

Bản án số: 01/2022/HC-PT

Ngày 20/9/2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Đài

Các Thẩm phán: Ông Chu Văn Thanh và bà Trần Thị Khánh Vân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Quốc Thị Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Bàn Quang Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX-PT ngày 15/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐPT- HC ngày 06/9/2022; giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Tạ Tuyết N

Địa chỉ: Tổ 2, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tạ Tuyết N: Ông Phan Tùng L; Bà Nguyễn Thị Thanh H – Luật sư Công ty Luật Hợp danh N thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Có cùng địa chỉ: Số 61, phố N, Quận T, thành phố Hà Nội, theo văn bản ủy quyền ngày 20/10/2021 (bà H, ông L - Có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ: Phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt H - Phó chủ tịch UBND phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

UBND phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai;

Địa chỉ: Phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tuấn A – Chủ tịch UBND phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Việt H - Phó chủ tịch UBND phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai, (theo giấy ủy quyền ngày 16/8/2021) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người khởi kiện bà Tạ Tuyết N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Năm 1993, gia đình bà Tạ Tuyết N lên sinh sống tại phường D, thành phố L. Năm 2008, gia đình bà Phan Thị Q có đất khai hoang không sử dụng hết đã bán lại cho gia đình bà N 01 mảnh đất hình tam giác, diện tích 68,07m² tại tổ 15, phường D, thành phố L, khi bán hai bên làm giấy viết tay với nhau. Quá trình sử dụng đất, hàng năm gia đình bà N đều nộp thuế đầy đủ do anh trai bà N là ông Tạ Quang Đ nộp thuế. Thời điểm gia đình bà N mua đất của gia đình bà Q còn có khoảng 10 hộ khác cũng mua đất của bà Q. Đến năm 2011, do khó khăn về kinh tế nên bà N đã chuyển nhượng lại diện tích đất cho bà Nguyễn Thị N2, năm 2014 gia đình bà N2 được UBND phường D cho phép sửa chữa nhà trên diện tích đất này. Năm 2015 gia đình bà N lại có nhu cầu sử dụng đất nên bà N2 lại chuyển nhượng lại cho bà N. Gia đình bà N nộp thuế sử dụng đất cho tổ trưởng là bà Nguyễn Thị L trực tiếp thu tiền thuế đất. Sau do có sự thay đổi về địa giới hành chính, phân chia, sát nhập tổ dân phố, thời điểm bà N mua đất là tổ 15, sát nhập đổi thành tổ 3, nay là tổ 8, phường D. Quá trình sử dụng đất anh trai bà N là ông Đ trực tiếp nộp thuế đất nhưng Đội thuế phường D xác nhận ông Đ nộp thuế đất phi nông nghiệp từ năm 2011 đến năm 2015 không ghi rõ nộp thuế cho thửa đất nào, vị trí ở đâu đội thuế không nắm được là lỗi của đội thuế. Năm 2016 Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã giải quyết vụ án dân sự tranh chấp quyền sử dụng đất đã điều tra, xác minh đất ở vị trí khác, không đúng ở vị trí diện tích đất của gia đình bà N, xác minh của tổ trưởng dân phố không chính xác, dẫn đến Tòa án đã nhận định trong bản án cũng không đúng. Năm 2017 tổ 15 được sát nhập lấy tên chung là tổ 3 phường D, ông Đ có tên trong sổ hộ khẩu tại tổ 15 cũ ở thuê nhà bà Vũ Thị Tân, ông Tráng A Diu, ông Đ không có diện tích đất nào khác mà chỉ có duy nhất một diện tích đất này đã nộp thuế. Bản đồ địa chính năm 1999 đất này mang tên ông Nguyễn Văn Đ2. Năm 2017 ông Đ2 khai diện tích đất này ông không quản lý, sử dụng, khi Nhà nước thu hồi đất để làm đường, ông Đ2 đã nhận đủ tiền, phần diện tích đất ông không quản lý, sử dụng, mà là của bố bà Q tên là Đ2 cho bà Q quản lý, sử dụng không ai tranh chấp, bà Q đã chuyển nhượng lại cho bà N, ông Đ đã nộp thuế đất, như vậy việc quản lý, sử dụng đất của bà N là hợp pháp. Tòa án nhận định là đất lưu không, sau khi Nhà nước làm đường còn lại là không đúng.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) phường D đã ban hành Quyết định cưỡng chế tháo dỡ tài sản và chỉ đạo tháo dỡ tài sản của gia đình bà Tạ Tuyết N là trái quy định của pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp và gây thiệt hại về tài sản của gia đình bà N. Chủ tịch UBND phường D đã cưỡng chế tháo dỡ 05 cọc sắt loại sắt tròn, sau khi tháo dỡ đưa các cọc sắt đi đâu, hiện do ai quản lý gia đình bà N không biết.

Ngày 07/01/2022 Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai tiến hành định giá: 05 cọc sắt đã bị thu hồi về trụ sở UBND phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai chi phí nhân công, vật liệu để đổ trụ cột của 05 cọc sắt được chôn trên thửa đất tại tổ 8, phường D, thành phố L định giá, xác định: Giá trị 5 Cọc sắt là 1.029.000 đồng, nhân công, vật liệu là 1.098.000đồng. Tổng giá trị định giá là: 2.127.000 đồng. Bà N yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Chủ tịch UBND phường D, thành phố L về việc Cưỡng chế tháo dỡ tài sản, xem xét hành vi cưỡng chế trái pháp luật của Chủ tịch UBND phường D và buộc bồi thường cho gia đình bà N giá trị tài là 2.127.000đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nhất trí với trình bày của người khởi kiện. Ông L, bà H đề nghị bổ sung tại phiên tòa về ban hành Quyết định số 91/UBND sau đó hủy bỏ bằng Quyết định 148/QĐ-UBND là chưa đúng. Tuy nhiên cấp sơ thẩm thu thập và đánh giá chứng cứ chưa chính xác, nội dung đánh giá có nhiều mâu thuẫn trong bản án. Đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án tuyên hủy quyết định cưỡng chế, buộc UBND phường D phải bồi thường thiệt hại số tiền 2.127 000đ do cưỡng chế sai.

Tại các bản tự khai và quá trình giải quyết người bị kiện Chủ tịch UBND và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Thửa đất hình tam giác giao giữa đường Nguyễn Đức C và đường Trần Quang K đã được UBND phường giải quyết tranh chấp từ năm 2015. Tuy nhiên các bên không thống nhất được; UBND phường yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng về đất không được xây dựng phát sinh công trình gì trên đất.

Ngày 17/11/2017 Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã thụ lý vụ án dân sự về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông Phan Văn C, địa chỉ tổ 3, phường D và bị đơn là bà Tạ Tuyết N, địa chỉ tổ 7, phường D. Căn cứ Bản án số 08/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai: “Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Chiêu đối với bà N về việc yêu cầu bà N phải nhổ 05 cọc sắt khôi phục lại nguyên trạng ban đầu trả lại cho ông C 68,07m² mặt trước là đường Nguyễn Đức C, phía bên trái giáp đường mòn lên đồi, tại tổ 3, phường D, thành phố L”. Không đồng tình với bản án số 08/DS-ST ngày 15/06/2018 ông Phan Văn C có đơn kháng cáo, ngày 26/9/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã đưa ra xét xử phúc thẩm về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”. Tại bản án số 14/DS-PT ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai tuyên: “Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai”. “Không chấp nhận yêu cầu của ông C về việc buộc bà N phải nhổ 05 cọc sắt khôi phục lại nguyên trạng trả lại ông C diện tích đất 68,07m² tại tổ 3, phường D, thành phố L”.

Văn bản số 1089/KN-VKS-DS ngày 10/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Lào Cai: “Để đảm bảo việc chấp hành pháp luật về đất đai được nghiêm chỉnh và thống nhất tránh để xảy ra tranh chấp giữa các bên VKSND tỉnh Lào Cai kiến nghị. Yêu cầu UBND thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai cần có biện pháp chỉ đạo, quản lý phần diện tích 68,07m² đất hiện đang tranh chấp giữa ông Chiều và bà N để tránh việc tranh chấp liên tục xảy ra”; Từ đó UBND thành phố Lào Cai đã ban hành văn bản số 1423/UBND- TNMT ngày 19/10/2018 về việc quản lý thửa đất tại tổ 3, phường D “Yêu cầu UBND phường quản lý chặt chẽ diện tích đất trên, không để phát sinh tài sản trên diện tích 68,07m² (đất hình tam giác) tại phố Nguyễn Đức C giao phố Trần Quang Khải, đồng thời UBND phường đưa diện tích đất trên vào quỹ đất công để quản lý hằng năm theo quy định”.

Căn cứ Văn bản số 414/UBND-TNMT ngày 07/12/2020 và văn bản số 55/UBND-TCD ngày 25/5/2021 về trả lời đơn của công dân của UBND thành phố Lào Cai đối với đề nghị cấp GCNQSDĐ diện tích 68,07m² tại tổ 3, phường D, thành phố L là không có cơ sở. “Căn cứ Bản án số 08/2018/DS-TS ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, Bản án số 14/2018/DS-PT ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân tỉnh Lào Cai và Văn bản số 1089/KN-VKS-DS ngày 10/10/2018 của VKSND tỉnh Lào Cai đã khẳng định: “Thửa đất ông Nguyễn Thanh An (vợ Tạ Tuyết N) đề nghị xin cấp GCNQSDĐ 68,07m² tổ 3 (nay là tổ 8, phường D) là diện tích đất còn thừa sau khi Nhà nước đã sử dụng làm đường” do UBND thành phố Lào Cai đã giao cho UBND phường D quản lý đưa vào quỹ đất công. Ngày 05/11/2020 căn cứ văn bản số 1723/UBND-TCD của UBND thành phố Lào Cai về việc giải quyết đơn của công dân và Quyết định số 11488/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của UBND thành phố Lào Cai về việc phê duyệt phương án đấu giá QSDĐ đối với các thửa đất trên. UBND phường đã mời hộ bà N lên vận động tự tháo dỡ di chuyển 05 cọc sắt trên đất xong trước ngày 25/4/2021 theo yêu cầu tại văn bản số 456/UBND-TNMT ngày 02/4/2021 UBND thành phố Lào Cai nhưng gia đình bà N chưa chấp hành.

Vì vậy, đối với diện tích đất 68,07m² nêu trên ở phường D là đất công do UBND phường quản lý, việc cưỡng chế tháo dỡ 05 cọc sắt trên là đúng quy định. Đối với số tiền là 2.127.000 đồng bà N yêu cầu bồi thường, đây là những chi phí thực tế bà N xây dựng làm các cột rào, nhưng được xử lý vào các chi phí cưỡng chế tháo dỡ. Do vậy, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không nhất trí bồi thường.

Tại bản án số: 01/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; khoản 1, khoản 3 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Tuyết N về việc huỷ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Chủ tịch UBND phường D, thành phố L về việc Cưỡng chế tháo dỡ tài sản; hành vi chỉ đạo cưỡng chế của Chủ tịch UBND

phường D, thành phố L đối với 05 cọc sắt của hộ bà N và yêu cầu UBND phường D, thành phố L phải bồi thường thiệt hại số tiền 2.127.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/6/2022 người khởi kiện bà Tạ Tuyết N kháng cáo bản án sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của Toà án nhân dân thành phố Lào Cai, đề nghị sửa bản án sơ thẩm; Huỷ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Chủ tịch UBND phường D về Cường chế tháo dỡ tài sản và chỉ đạo cưỡng chế của Chủ tịch UBND phường D, thành phố L đối với 05 cọc sắt của gia đình bà N và yêu cầu UBND phường D bồi thường số tiền 2.127.000 đồng. Do bản án sơ thẩm chưa đánh giá đúng hành vi của vụ việc.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ mới, giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện nộp bổ sung bảng kê chi tiết chi phí cưỡng chế ngày 20/7/2022 số tiền 2.360.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án phát biểu về quan điểm vụ án:

Về tố tụng: Hoạt động tiến hành tố tụng, tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm: Đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng hành chính, người kháng cáo thực hiện đúng quy định, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng; Về hình thức Quyết định số 91 ban hành chưa đúng mẫu số 10 theo nghị định 97/2017/NĐ-CP, thẩm quyền ban hành sai về căn cứ, trình tự. Quyết định 148/QĐ.UBND ban hành hủy bỏ Quyết định 91 là cần thiết, nhưng thẩm quyền ban hành Quyết định 148 là không đúng quy định, do vậy kháng cáo của người khởi kiện là có căn cứ. Phần yêu cầu bồi thường bà N xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ ở đô thị nhưng vi phạm Luật xây dựng nên việc cưỡng chế là cần thiết và việc cưỡng chế đối với người vi phạm sẽ không được nhà nước bồi thường. Từ lý do trên, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tuyên bố hành vi hành chính quyết định cưỡng chế tháo dỡ tài sản của Chủ tịch UBND phường D là trái pháp luật; Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, điểm a Điều 32 Luật bồi thường nhà nước. Bác yêu cầu khởi kiện cả bà N về yêu cầu UBND phường D bồi thường thiệt hại cho gia đình bà N, đề nghị tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tư cách người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và UBND phường D là ông Lê Việt H lần 02 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Xét kháng cáo của bà Tạ Tuyết N về Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Chủ tịch UBND phường D về cưỡng chế và hành vi cưỡng chế tháo dỡ tài sản là 05 cọc sắt bê tông trên đất:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền khởi kiện Quyết định số 91/QĐ-UBND về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản đối với 05 cọc sắt của gia đình bà Tạ Tuyết N trên đất là “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực quản lý hành chính về đất đai” thuộc thẩm quyền của Tòa án và trong thời hiệu khởi kiện. Ngày 08/6/2022 bà N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/HC-ST ngày 27/5/2022 của Tòa sơ thẩm là hợp lệ để cấp phúc thẩm xét xử theo quy định tại Điều 30; 116; 206; 220 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về căn cứ để ban hành, trình tự và thẩm quyền ban hành quyết định:

Chủ tịch UBND phường D khi ban hành Quyết định cưỡng chế số 91/QĐ-UBND ngày 22/6/2021; Đã căn cứ vào các Quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và thu hồi đất; Bản án số 08/2018/DS-ST ngày 15/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai; Bản án số 14/2018/DS-PT ngày 26/9/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai; Văn bản số 1089/KN-VKS-DS ngày 10/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về việc kiến nghị khắc phục vi phạm trong công tác quản lý đất đai mà không áp dụng Điều 24; 28; 38 và 85; 86; 87 Luật xử lý vi phạm hành chính trước khi thực hiện là chưa đầy đủ, chưa đúng theo hướng dẫn kèm theo nghị định 81/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, theo các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng Chủ tịch UBND phường D cùng các ngành và người có thẩm quyền đã nhiều lần xác minh, lập biên bản nhắc nhở yêu cầu chấm dứt việc vi phạm và tự tháo dỡ 05 cọc sắt, phía hộ bà N (tại bút lục; 90-93 cũng đã cam kết thực hiện); Do hộ bà N không tự giác chấp hành. Chủ tịch UBND phường D đã ủy quyền cho phó Chủ tịch UBND phường D (trong thời gian được giao phụ trách) ký, ban hành quyết định và cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm của hộ bà N là cần thiết theo thẩm quyền quy định điều 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính. Mặt khác trong quá trình thụ lý giải quyết tại cấp sơ thẩm, UBND phường D đã tự khắc phục ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 hủy bỏ quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 do lỗi sai về thể thức, trình tự thực hiện. Như vậy tại thời điểm xét xử đối tượng khởi kiện là quyết định số 91/QĐ-UBND của người bị kiện đã hủy bỏ nên là không còn do đã bị hủy.

Về thẩm quyền, trình tự, căn cứ ban hành Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai; Tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định “ .. Chủ tịch UBND các cấp ..có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm phát hiện Quyết định về xử lý vi phạm hành chính do mình hoặc cấp dưới ban hành có sai sót và phải kịp thời sửa đổi.. hủy bỏ ..” như vậy,UBND phường D ban hành Quyết định 148/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 91/QĐCC.UBND khi phát hiện có sai sót về về thể thức, trình tự thực hiện là đúng quy định, phù hợp với Nghị định 81/2013 ND-CP hướng dẫn trường hợp cụ thể khi người ban hành Quyết định xử lý vi phạm hành chính có vi phạm về thủ tục xử lý vi phạm hành chính.

[3]. Về hành vi cưỡng chế theo Quyết định số 91/QĐ- UBND ngày 22/6/2021 của Chủ tịch UBND phường D về cưỡng chế tháo dỡ 05 cọc sắt trên đất tại tổ 8 phường D;

Như nêu tại mục [1] Hộ bà N tự ý đầu tư, xây dựng 05 cọc sắt trên phần diện tích đất không có giấy phép, đất chưa có GCNQSDĐ (giấy tờ mua bán viết tay); Tại công văn số 414/UBND - TNMT ngày 07/12/2020 của UBND thành phố Lào Cai xác định diện tích 68,07m² đất ông Nguyễn Thành A (vợ Tạ Tuyết N) sử dụng đề nghị xin cấp GCNQSDĐ tại phố Nguyễn Đức C, tổ 8 phường D là diện tích đất thừa (lưu không) do Nhà nước sử dụng làm đường còn lại, UBND thành phố L đã giao cho UBND phường D quản lý, không để phát sinh tài sản, đồng thời đưa diện tích đất trên vào quỹ đất công để quản lý, văn bản số 1423/UBND-TNMT ngày 19/10/2018 cũng xác định bà N chôn 05 cọc sắt trên đất là vi phạm, không nằm trong danh mục các công trình được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật xây dựng năm 2014 khi đất không có GCNQSDĐ và một trong loại giấy tờ theo Điều 100 Luật đất đai; vi phạm điểm a khoản 7 Điều 13 nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 và điểm a khoản 7 Điều 13 nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực xây dựng.

Như vậy, việc UBND phường D cưỡng chế và hành vi chỉ đạo của Chủ tịch UBND phường D về việc cưỡng chế tháo dỡ tài sản vi phạm trên đất đối với 05 cọc sắt của bà Tạ Tuyết N ngày 20/7/2021 với các lý do nêu trên tuy chưa đúng về trình tự, hình thức nhưng nội dung của Quyết định phù hợp với các hành vi cố ý vi phạm không khắc phục theo yêu cầu của UBND phường D nên cưỡng chế là cần thiết, lỗi vi phạm hoàn toàn thuộc về bà N.

[4] Xét yêu cầu đòi bồi thường của bà Tạ Tuyết N:

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận bồi thường đối với tài sản là 05 cọc sắt trên đất với trị giá 2.127.000đ của bà Tạ Tuyết N;

Như phân tích tại mục [3] ở trên, ngày 20/7/2021 UBND phường D cưỡng chế, kê biên thu giữ đối với 05 cọc sắt của bà N. Sau khi thực hiện cưỡng chế thu giữ tài sản vi phạm bị cưỡng chế.Theo kết quả định giá toàn bộ tài sản trên đất gồm 05 cọc sắt và nhân công có giá là 2.127.000 đồng, các bên đều đồng ý với kết luận định giá. Tuy nhiên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 86; Điều 87 và khoản 2 Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính thì chủ tịch UBND chỉ “kê biên tài sản tương ứng với số tiền bán đấu giá” đảm bảo phục vụ cho chi phí

cưỡng chế. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm UBND phường D xuất trình bảng kê công khai chi phí cưỡng chế đề ngày 20/7/2021 với số tiền là 2.360 000 đồng. Như vậy, việc vi phạm của bà N sau khi Chủ tịch UBND phường cưỡng chế thu giữ 05 cọc sắt có trị giá 2.127.000đ là chưa đủ cho chi phí cưỡng chế theo quy định. Tuy nhiên số tiền thiếu do người bị kiện không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét là phù hợp. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận tuyên bố hành vi cưỡng chế của người bị kiện trái pháp luật và yêu cầu bồi thường số tiền thiệt hại bị cưỡng chế là 2.127.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về án phí: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà N có kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4 Điều 225; khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Tạ Tuyết N; Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai về việc: Huỷ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L về việc Cưỡng chế tháo dỡ tài sản; hành vi chỉ đạo cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L đối với 05 cọc sắt của gia đình bà Tạ Tuyết N và yêu cầu Ủy ban nhân dân phường D, thành phố L phải bồi thường thiệt hại số tiền 2.127.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

2. Về án phí: Bà Tạ Tuyết N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Xác nhận bà N đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo biên lai ký hiệu AC – 21 P số 0001123 ngày 14/10/2021 và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm theo biên lai ký hiệu AC – 21 P số 0001579 ngày 22/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai. Bà Tạ Tuyết N còn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí giá ngạch dân sự hành chính sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Bà Tạ Tuyết N phải chịu 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Xác nhận và Tạ Tuyết N đã nộp đủ số tiền chi phí.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS thành phố Lào Cai;
- Người BVQ&LIHP(2);
- Các đương sự;
- Lưu TA, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Đài